

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Khoa và bà Ngô Thị Kim Thêu

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh V; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 4, Trại giam V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2021 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Kim T1 trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25.9.2019 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới chị về sống cùng gia đình anh T1 ngay. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 12/2020 phát sinh mâu thuẫn do anh T1 sử dụng ma túy và không tu chí làm ăn. Chị khuyên nhưng anh không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ngày 19.5.2021, anh T1 bị bắt, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện anh T1 đang cải tạo tại Trại giam V. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do kinh tế khó khăn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh T1; quan hệ giao nuôi con chung, quan hệ tài sản: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Kim T1; anh T1 cư trú tại huyện Y, tỉnh V. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Kim T1 vắng mặt nhưng anh T1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kim T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh T1 nghiện ma túy và không tu chí làm ăn. Ngày 19/5/2021 anh T1 bị bắt, bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy; hiện anh T1 đang cải tạo tại Trại giam V. Anh T1 xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T1 cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T kiên quyết xin ly hôn. Do vậy, hôn nhân của chị T, anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Các đương sự đều xác nhận không có con, không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Kim T1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001194 ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, V. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu